TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:535/2023/DS-PT
Ngày:02 -11 - 2023
V/v tranh chấp: *"Tranh chấp đòi tài sản"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***:** Bà **Hà Thúy Thảo**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 799/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn M1, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 09/9/2018 âm lịch bà có ký hợp đồng thuê nhà với bà Nguyễn Thị L để thuê 01 căn nhà ở chợ C. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận bà L cho bà M thuê nhà đến ngày 09/9/2022 âm lịch với điều kiện bà M phải đôn nền nhà bằng

mặt lộ và làm lại cửa nhà. Tiền nhà bà M đã trả xong. Đối với tiền đôn nền nhà và tiền cửa bà L sẽ trả lại cho bà M sau khi kết thúc hợp đồng. Sau khi hai bên bàn giao nhà, bà M đã bỏ ra số tiền 6.800.000 đồng để trả cho cửa hàng cửa kéo T. Hiện nay đã hết hợp đồng thuê nhà, bà M nhiều lần yêu cầu bà L trả lại tiền nhưng bà L không thực hiện. Nay bà M khởi kiện yêu cầu buộc bà L trả lại cho bà số tiền 6.800.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận có ký với bà M hợp đồng thuê nhà ngày 09/9/2018. Hai bên cũng thỏa thuận việc đôn nền nhà và gắn cửa.Tuy nhiên cửa kéo bà L đã gắn trước đó nên khi bà M về ở đã sử dụng luôn, không có gắn cửa mới. Giá của cửa kéo bà L mua là 6.800.000 đồng. Tại thời điểm bàn giao nhà. Bà L đã trả tiền cửa được 4.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại cửa hàng cửa kéo 2.800.000 đồng nên bà M đã thay bà L trả số tiền trên.Vì vậy bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc bà trả số tiền 6.800.000 đồng mà chỉ đồng ý trả 2.800.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M1 trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị M và cũng là người trực tiếp trả 2.800.000 đồng tiền cửa cho chủ cửa hàng T1. Đối với số tiền 4.000.000 đồng cũng là vợ chồng ông bỏ ra trả nên ông yêu cầu bà L phải trả lại số tiền trên. Việc bà L cho rằng đã trả trước đó 4.000.000 đồng là không đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 26, 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 115, 158, 163, 164, 223 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà M số tiền 2.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/6/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Bà M kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà M cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị M, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp " Đòi tài sản" là có căn cứ đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà M kháng cáo trong thời hạn luật định. Bà M thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Bị đơn Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt bà L theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị M là người thuê nhà, bà Nguyễn Thị L là người cho thuê nhà. Ngày 09/9/2018 Bà M và bà L xác lập giấy tay " Hợp đồng thuê nhà" với nội dung *"...Tôi thống nhất cùng với chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1957, cư ngụ Ấp M, xã H, C – TG. Làm hợp đồng thuê nhà với điều kiện chị Nguyễn Thị M phải đôn nền nhà bằng mặt lộ và làm lại cửa nhà; Thời gian 4 năm (Từ ngày 09/9/2018 AL đến ngày 09/9/2022 AL); Số tiền thuê nhà đã trả xong, tiền cửa, tiền đôn nền chị Nguyễn Thị L sẽ hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị M sau khi hết hợp đồng…*". Sau khi hết hạn hợp đồng thì bà M khởi kiện bà L đòi số tiền lắp khung cửa Đài Loan (cửa kéo) là 6.800.000 đồng. Bà L trình bày, số tiền của kéo là 6.800.000 đồng nhưng bà L trực tiếp trả cho anh P (người bán cửa) số tiền 4.000.000 đồng và đồng ý trả lại bà M số tiền 2.800.000 đồng. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, buộc bà L trả bà M số tiền 2.800.000 đồng thì bà M kháng cáo bản án.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: chứng cứ bà M cung cấp là hợp đồng thuê nhà (giấy tay) và 01 phiếu giao hàng ghi ngày 15/9/2020 thể hiện nội dung *"Cửa kéo Đài Loan 6.800.000; Cô 5 gửi 4.000.000; Chú Mãi gởi 2.800.000"*. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời

trình bày của các đương sự thì thấy rằng, bà L trình bày khi mua cửa bà đã trả cho anh P (người bán cửa) số tiền 4.000.000 đồng, sau đó khi bà M vào thuê nhà thì bà M trả tiếp số tiền 2.800.000 đồng là có cở sở. Bởi lẽ, bà L ở địa phương còn có tên gọi khác là Cô L1. Vấn đề này phù hợp với chứng cứ do bà L cung cấp là hóa đơn bán hàng của cơ sở nhôm T2 cung cấp thể hiện rõ "*… số tiền cô L1 gửi ngày 21/01/2016 2.000.000; ngày 27/4/2016 2.000.000; còn 2.800.000 chú 5 Mãi gửi 2.800.000*". Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án sơ thẩm cũng thu thập được chứng cứ là lời trình bày của anh Nguyễn Thanh P1 cùng vợ là Nguyễn Thị Kiều T (người bán cửa kéo) cùng có văn bản xác nhận số tiền bán cửa kéo là 6.800.000 đồng, năm 2016 bà L đã trả được 4.000.000 đồng, đến năm 2020 thì ông 5 Mãi (chồng bà M) trả tiếp số tiền 2.800.000đồng. Như vậy đã có cơ sở xác định số tiền cửa kéo Đài Loan mà bà M đã trả là 2.800.000 đồng, nay bà L đồng ý trả lại cho bà M số tiền 2.800.000 đồng là đúng bản chất của sự việc hợp đồng thuê nhà và thanh toán tiền cửa kéo. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của bà M. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận, bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 115, 158, 163, 164, 223 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà M số tiền 2.800.000 đồng.Thực hiện trả tiền khi bản án có hiễu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí : Bà Nguyễn Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt